

Hội Làng Đăm



Làng Đăm nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Tây Tựu trước kia thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Đây là một làng cổ có truyền thống văn hoá và sản xuất từ lâu đời. "Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy" hay "Làng La canh củi, làng Đăm đua thuyền" là những câu ca dao quen thuộc vang đến tận kinh thành Thăng Long xưa.

Từ Cầu Giấy, theo đường Hà Nội - Sơn Tây, đến Nhổn rẽ tay phải, chỉ đi vài cây số là tới làng Đăm. Vào mùa xuân khi đến dịp hội làng, từ đặng xa du khách đã có thể nhận biết bằng màu sắc của cờ hội nổi bật trên một thảm xanh của những ruộng rau, dưa đủ các loại đang độ kết trái đợi mùa thu hoạch. Rau và dưa Tây Tựu đã quá quen thuộc với đất Hà Thành.

Hội làng Đăm diễn ra trong ba ngày, từ mồng 9 đến 11 tháng ba âm lịch. Xưa kia hội kéo dài tới năm ngày và cứ năm năm mới tổ chức đua thuyền, bởi để chuẩn bị cho một cuộc đua đòi hỏi sự tốn kém không ít thời gian, tiền của và sức lực con người. Theo các cụ già cao tuổi cho biết hội được tổ chức lần cuối vào năm 1940. Kể từ đó không mở hội nhưng đội thuyền đua làng Đăm vẫn luôn được mời về dự đua trong những dịp lễ hội lớn của đất nước tại hồ Thuyền Quang, hồ Gươm, hồ Bảy Mẫu. Khoảng những năm 1972-1973 làng có tổ chức bởi nhân đón Quốc trưởng Campuchia sang thăm nước ta, những cuộc đua đó chưa phải là hội. Những năm gần đây xu thế khôi phục dần dần những truyền thống xưa đang được chú ý. Bằng chứng là sau 54 năm, năm 1994, hội được tổ chức lại một cách công phu và trang trọng.

Theo sách Làng xã ngoại thành Hà Nội thì Tây Tựu xưa vốn gọi là Tây Đàm, vì kiêng tên húy vua Lê Thế Tông (1573 - 1600) nên đổi gọi là Tây Đăm; đến nhà Nguyễn, vì kiêng quốc húy đổi gọi là Tây Tựu cũng là tên một trong 13 tổng thuộc phủ Hoài Đức cũ. Tổng Tây Tựu gồm bảy xã, nay thuộc đất Tây Tựu, huyện Từ Liêm và Tân Hội huyện Đan Phượng (Hà Tây). Phía bắc Tây Tựu giáp hai xã Liên Mạc và Thượng Cát, phía đông và đông nam giáp hai xã Phú Minh và Xuân Phương, phía tây giáp xã Tân Lập huyện Đan Phượng và xã Dị Trạch huyện Hoài Đức.

Tây Tựu gồm ba thôn là thôn Thượng hay còn gọi là miền Thượng, thôn Trung hay gọi là miền Trung và thôn Hạ còn gọi là miền Hạ. Hàng năm, vào dịp hội ba miền cùng nhau tổ chức hội và thi bơi thuyền.

Những di tích liên quan đến hội còn lại cho đến nay chủ yếu nằm xung quanh đình và đoạn sông, nơi diễn ra cuộc đua thuyền. Đình làng Đăm thờ đức thánh Tam Giang, dân gian gọi là Bạch Hạc Tam Giang. Vào ngày hội trong đình có đặt ba cỗ ngai. Một cỗ trong hậu cung, lớn và được "mặc" áo trắng. Ngai thứ hai tiếp theo ngai ở hậu cung, được đặt ở gian giữa đình, nhưng chỗ đó lại thấp hẳn xuống so với hai bên theo chiều dọc của đình. Ngai thứ ba được đặt ở ngoài cùng và là ngai đế: ước ra ngự ngoài thủy tạ lúc thi bơi thuyền. Cả hai ngai thứ hai và thứ ba đều được "mặc" áo vàng. Đình bị hư hỏng nhiều, không có gì đặc biệt và đang được tu sửa dần dần.

Ngay cửa giữa của đình nhìn thẳng ra là liên tiếp hai nhà thủy đình cách nhau khoảng bảy tám mét, được gọi chính ngự trong và chính ngự ngoài. Vào những ngày hội, kiệu của đức Thánh rước về được đặt ở chính ngự ngoài, còn chính ngự trong là nơi diễn ra các cuộc tế lễ và sau đó là điểm xuất phát để rước ngai Thánh ra ngự xem bơi.

Bên trái và bên phải khoảng trống giữa chính ngự trong và chính ngự ngoài còn có hai nhà thủy đình nhỏ khác. Cạnh hai nhà thủy đình ấy là những dãy nhà dài được gọi là dãy muống. Phía bên phải nhìn từ cửa đình ra có hai dãy muống, còn phía bên trái chỉ có một dãy, cạnh dãy đó là Từ Vũ. Trong Từ Vũ có đặt một bia đá hình trụ, bên cạnh bia là hai ông phỗng ngồi cạnh bia.

Thủy tạ được xây dựng trên bờ sông vươn ra mặt nước. Nó chia thành ba phần rõ rệt. Phần trung tâm là nơi ngự giá của kiệu Thánh, bên trái là chiếu dành cho các bô lão cao tuổi và trong hội đồng tế lễ, bên phải dành cho quan khách. Tất cả nhìn ra hướng mặt sông. Đây là một nhánh của sông Nhuệ mà vốn xưa kia các cụ già nói rằng nó nổi sông Hồng từ Gối xuống với sông Nhuệ, nhưng nay đã bị cắt nên còn gọi là đằm Đăm. Khúc sông dài khoảng 1000m và cuộc đua thuyền diễn ra tại đó, với vị trí xuất phát là nhà thủy tạ và điểm cuối cùng là đoạn

sông trước cửa miếu thờ đức Thánh Tam Giang. Gọi là miếu nhưng đây thực chất là một ngôi đền lớn trong đó còn giữ được khá đầy đủ bia ký và các đồ tế khí cùng hoành phi câu đối. Đây là đất của thôn Thượng nên miếu còn gọi là Thượng miếu.

Đối diện với miếu này phía bên kia bờ sông chệch về phía phải có một bệ thờ được gọi là làn tế. Làn tế, theo nhân dân địa phương là nơi xưa kia rước Thánh về đặt tạm tại đó, trước khi đưa ngài ngự vào miếu. Ngày ấy làn tế khá bề thế và nằm sâu trong trường kỷ nghệ ở đó nên người ta dịch chuyển làn tế ra sát bờ sông và mới xây thành một bệ thờ như vậy.

Mọi sự chuẩn bị cho ngày hội được tiến hành từ trong năm. Ngày mồng 9 tháng ba là ngày mở đầu cho lễ hội của làng. Nghi thức quan trọng nhất của ngày hôm ấy là đám rước Thánh từ miếu xuống đình.

Sau khi tế lễ ở đình, làm lễ cáo yết ở miếu, người ta tiến hành rước Ngài của Thánh về đình. Đám rước long trọng với đủ lệ bộ và nghi trượng cùng những vị có trọng trách trong ngày hội với đông đảo dân làng. Đám rước đi từ miếu Thượng theo đường làng đi về đình. Tới đình kiệu rước Ngài được đặt ở chính ngự ngoài. Sau đó các tay đô cùng bô lão rước Ngài vào đình và ngự tại đó. Tiếng pháo nổ vang cùng tiếng nhạc rộn rã làm không khí ngoài đình náo nhiệt trong muôn màu sắc của cờ, đồ tế khí và hương khói nghi ngút.

Ngoài sông, các thuyền đua của ba thôn cũng tiến hành bơi dạo. Vừa để chào mừng ngày hội, chào mừng Thánh đồng thời cũng là để duyệt lại toàn bộ các bước chuẩn bị của mình xem từ vị trí ngôi của từng trai bơi đã hợp lý chưa, các tay chèo có điều gì phải sửa sang cho tốt và đều, nhịp bơi có đồng đều ăn ý với nhau không; người chỉ huy, người chống sào, tát nước, v.v... Tất cả gần như một cuộc duyệt lại từng chi tiết chuẩn bị cho cuộc đua ngày hôm sau. Đồng thời đây cũng là lúc thăm dò trước luồng lạch sao cho tiết kiệm được thời gian nhất mà lại đạt hiệu quả cao nhất.

Có thể nói, suốt đêm 9-3 mọi người đều náo nức chờ đợi. Các trai bơi hồi hộp chuẩn bị cho cuộc thi đấu ngày mai. Dân làng ra thắp hương lễ bái ngoài đình miếu. Các cụ trong ban khánh tiết thay nhau túc trực nhang khói thờ Thánh. Sân đình rộn rã không khí ngày hội làng, đèn đuốc sáng trưng, kẻ ra người vào tấp nập.

Mồng 10 tháng ba là ngày chính hội. Bày giờ sáng mọi chuẩn bị cho ngày hội phải được hoàn tất. Ngày hội bắt đầu bằng cuộc tế lễ long trọng của hội đồng bô lão trong làng. Mọi nghi thức tế lễ được thực hiện từ chính ngự trong qua quăng sân trước cửa đình và vào đến trong đình. Các bước tế của mỗi tuần tế đều bắt đầu từ chính ngự trong vào đình. Đồ chấp kích, chiêng trống, cờ quạt được xếp ngay ngắn suốt dọc hai bên từ chính ngự trong vào cửa đình còn ở giữa được trải chiếu.

Các nghi thức tế lễ ở làng Đăm không có gì khác biệt với những nơi khác, duy chỉ có đôi điểm đáng chú ý. Thứ nhất, trước cửa đình có hai thanh niên mặc quần áo màu xanh, chân quấn xà cạp, đầu đội mũ có chóp nhọn cùng màu xanh, trên chóp có một túm lông gà hoặc lông chim, tay cầm roi song đỏ đứng hai bên cửa giữa đình. Trong lúc tế lễ hai thanh niên ấy đứng nghiêm trang tại đó. Thứ hai, ở hội làng Đăm cũng tế ba tuần, nhưng người ta lại đọc chúc ở trước tuần cuối cùng của cuộc tế. Sau đó tế thêm một tuần nữa rồi mới đốt chúc văn. Chúc văn được một cụ già cầm trên tay, sau khi vái lạy thánh rồi châm lửa đốt. Cụ già phải xoay trên tay sao cho tờ chúc phải cháy hết mà không được rơi xuống đất. Chúc văn phải được đốt cháy hết ngay trước bàn thờ Thánh.

Trong lúc các bô lão tiến hành tế lễ, trong đình ở hai gian cạnh có trải sẵn chiếu để khách thập phương và bà con dân làng chuẩn bị dâng lễ lên bàn thờ Thánh. Người ra vào nườm nượp với đủ loại lễ vật, tuy vậy không hề ảnh hưởng gì tới công việc tế lễ của các cụ.

Khi cuộc tế kết thúc, chiêng trống nổi lên rộn rã, báo hiệu cuộc rước sắp bắt đầu, đồng thời là hiệu lệnh để những người có trách nhiệm chuẩn bị. Nghe hiệu lệnh các trai kiệu chuẩn bị. Nghe hiệu lệnh các trai kiệu và những người cầm cờ quạt, chấp kích từ khắp các ngả của hội lần lượt kéo về chung quanh cửa đình. Kiệu rước Thánh được chuyển từ chính ngự ngoài vào chính ngự trong.

Một hồi chiêng trống nổi lên một số trai kiệu cùng các cụ rước ngài Thánh từ trong đình ra chính ngự trong. Theo hiệu lệnh của một cụ già mặc áo tím, cầm trống khẩu mọi người từ từ đặt ngài Thánh vào kiệu. Các cụ xem xét lại tỉ mỉ xem việc đặt ngài đã vững chưa, có nghiêng ngả gì không, lọng che trên ngài đã kín chưa, rồi bắt đầu xếp sấp đội hình. Thứ tự đám rước

như sau:

Hai thanh niên quần áo xanh, quần xà cạp, mũ chóp nhọn xanh, lúc trước đứng ở cửa đình với roi song đỏ trên tay, nay đi đầu làm nhiệm vụ dẹp đường. Tiếp đến các nam nữ trẻ quần áo trắng, thắt lưng đỏ và đầu quấn khăn đỏ cầm cờ và đồ chấp kích. Sau đó là hai cụ già mặc quần áo tề màu xanh đi giạt lùi, mặt hướng vào kiệu Thánh. Theo sau hai cụ là một cụ già khác mặc quần áo tím, tay cầm trống khẩu làm hiệu lệnh cho đám rước. Rồi đến kiệu Thánh với một cụ già mặc áo đỏ (là cụ từ giữ đình) đi sát kiệu, để trông nom, sửa sang bước đi cho các đồ kiệu, chỉ bảo người cầm lọng đi sau kiệu che cho đúng ngai Thánh... Hai bên kiệu là hai thanh niên mặc kiếu võ tướng (đầu đội mũ, thắt đai, đi ghệt...) cầm gươm bảo vệ kiệu. Đi sau kiệu là các cụ già trong ban tế, các bô lão đến tuổi thượng thọ với áo đỏ, áo vàng theo lớp tuổi cùng dân làng đi rước Thánh. Hai bên lối kiệu đi người làng, khách thập phương chen chân đứng xem đám rước với không khí vô cùng phấn chấn.

Kiệu đi thẳng từ chính ngự trong qua chính ngự ngoài tới đường làng trước mặt ao đình. Từ chính ngự trong và chính ngự ngoài kiệu được nâng trên tay của các trai kiệu nhưng khi ra khỏi chính ngự ngoài, theo hiệu lệnh của người cầm trống khẩu, kiệu được đặt lên vai các trai kiệu để rước đi. Khi đi ra tới đường làng, đoàn rước rẽ sang tay phải tiến về phía thủy tạ. Đám rước đi nhịp nhàng, khoan thai trong tiếng nhạc, tiếng pháo nổ và dưới sự điều khiển chặt chẽ của cụ già mặc áo tím. Cứ như vậy, đám rước đi trong vòng một tiếng từ cửa đình đến thủy tạ.

Khi tới trước cửa thủy tạ, kiệu được hạ xuống, các trai kiệu cùng các bô lão rước kiệu vào đặt tại bệ giữa nhà thủy tạ, cờ quạt, chấp kích được đặt trước mặt kiệu Thánh, hướng ra mặt sông. Một hồi chiêng trống nổi lên, pháo ở thủy tạ, hai bên bờ sông và trong đình được đốt nổ ròn rã cùng một lúc, báo hiệu Ngai đã an vị. Các cụ trở về chiếu của mình ở gian cạnh, trai kiệu và thanh niên cầm cờ và đồ tế khí nhanh chóng tản ra khắp nơi tìm chỗ thuận tiện để xem bơi.

Trong khi ngoài đình tiến hành rước kiệu thì ở các thôn những bước kiểm tra cuối cùng cho cuộc đua thuyền được tiến hành. Từ chi tiết nhỏ được kiểm tra và thống nhất giữa các trai bơi và người chỉ huy. Từng thôn làm lễ tiễn đoàn thuyền đua của các thuyền của từng thôn được khiêng ra sông dạo quanh đợi hiệu lệnh tập trung về thủy tạ.

Hiệu lệnh chuẩn bị đua thuyền là khi tiếng chuông trống và tiếng pháo nổ ròn rã lúc kiệu Thánh đã yên vị ở nhà thủy tạ. Các thuyền đua từ các ngả từ từ tiến vào gần nhà thủy tạ trong tiếng reo hò vang dậy của người ba thôn cổ vũ cho thuyền đua của mình. Mọi người sung sướng và hồi hộp chờ cuộc đua bắt đầu.

Ba thôn Thượng, Trung và Hạ mỗi thôn có hai thuyền đua. Xưa kia có thêm một thuyền thứ bảy gọi là thuyền Quan Thuyền Quan không đua mà chỉ làm nhiệm vụ bơi theo quan sát cuộc đua. Thuyền đua dài tới 15m gồm 18 trai bơi và sáu người khác. Sáu người đó là: ông lái (người lái thuyền), ông dò (là người bắt nhịp, chỉ huy), ông phất cờ (người cầm cờ phất sang phải sang trái để cổ vũ anh em bơi), ông cầm lạng (là người cầm sào, một đầu có móc sắt hình chữ U để chống và đẩy thuyền khi thuyền sát vào thuyền khác một người tát nước (cầm gáo hoặc thứ gì tiện lợi để hắt nước ra khỏi thuyền) và một trọng tài có nhiệm vụ chỉ ngồi theo dõi các trai bơi và những người trong thuyền không được phạm vi các luật lệ quy định. Trai bơi được chọn trong độ tuổi từ 20 đến 35 tuổi có kinh nghiệm và khỏe mạnh.

Đầu thuyền của mỗi thôn đều gắn đầu của ba loài đĩa, ly, hạc. Riêng con hạc luôn luôn gắn với hai thuyền của thôn Thượng vì thôn Thượng có miếu của Bạch Hạc Tam Giang. Còn hai đầu đĩa và ly là của hai thôn dưới. Trong hai thuyền của mỗi thôn lại chia ra một thuyền đông và một thuyền tây, còn sáu thuyền được đánh số thứ tự cho dễ nhớ. Việc đóng thuyền và tập luyện cho cuộc đua là cả một quá trình lâu dài và tốn kém. Tuy vậy thôn nào cũng cố gắng hết sức để dành được chiến thắng. ở đây ngoài sự ganh đua về giải, người ta còn thi đua cả về danh tiếng cao cả khi được giải nhất. Nó góp phần cổ vũ cho cả thôn trong năm mới.

Cuộc đua thuyền được tiến hành bơi sáu vòng. Sáng ngày 10- 3 bơi hai vòng, chiều một vòng. Ngày 11- 3 cũng bơi ba vòng như vậy sau đó kết thúc hội. Sau hồi chiêng trống báo hiệu ngai Thánh đã yên vị, các thuyền đua tập trung trước thủy tạ. Dưới sông cách Thủy tạ vài mét có một cột cờ treo lá cờ đại thật to. Đồng thời cũng cách đó vài mét, một sợi dây được căng từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia, trên dây được treo cờ đủ màu sắc, đó cũng là mốc để cho các thuyền xếp hàng bơi. Hai cụ già mặc áo quần ngày hội đứng ở bên bờ phải của Thủy tạ làm nhiệm vụ hiệu lệnh. Sau khi các thuyền đã tập trung vào vị trí, cờ lệnh được phất, cuộc

bơi dạo bắt đầu. Đây chỉ là bơi biểu diễn do đó các thuyền không ganh đua và vội vã mà cố bơi cho thật đẹp, thật nhẹ nhàng, ngoạn mục để lôi cuốn người xem. Tuy vậy, không khí trên bờ cũng rất sôi động, tiếng chiêng trống, tiếng pháo nổ mừng nổi lên khắp nơi. Bơi dạo một vòng theo đường đua vừa là bơi biểu diễn, vừa là bơi thử để các tay chèo quen tay mà bắt đầu cuộc đấu. Sau khoảng 15- 20 phút các thuyền đều trở về đông đủ để bắt đầu cuộc bơi chính thức.

Các thuyền đua hướng mũi vào nhà thủy tạ. Ba hồi chiêng trống báo hiệu các thuyền chuẩn bị vào lễ thánh để thi bơi. Sau đó theo hiệu trống các thuyền lần lượt cử người bước lên thủy tạ làm lễ thánh. Một tiếng trống: Thượng đông, Thượng tây vào; hai tiếng trống; Hạ đông, Hạ Tây vào. Từng cặp một sau khi làm lễ xong, chủ tế gọi: Thượng đông, Thượng tây, các trai bơi trên thuyền nhất loạt dạt rạn. Cũng như vậy với thuyền của thôn Trung và thôn Hạ.

Sau lễ bái yết Thánh, các thuyền được ba trọng tài xuống kiểm tra rất kỹ lưỡng từ số người, dụng cụ trên thuyền như dầm lái, đồ mức nước, nhất là sào chống. Bởi vì sào chống là phải thống nhất, do ban tổ chức phát, không được đổi sào vì chỉ cần dài hơn một chút là thuyền đó rất có lợi trong việc đẩy và chống. Cũng lúc này các thôn được phép cử người lên thuyền ướm lạo các trai bơi bằng thuốc lá và các thử khác để cổ vũ tinh thần cho các đội. Khi mọi việc đã hoàn tất tiếng chiêng trống, thanh la, tù và dồn dập vang lên báo hiệu cuộc thi sắp đến giờ xuất phát. Bằng hiệu cờ và loa các trọng tài đưa các thuyền vào vị trí cho có trật tự và bằng nhau ở đích xuất phát. Thuyền của ba thôn được xếp xen kẽ nhau sẵn sàng chờ lệnh. Một tràng pháo dài được đốt báo hiệu phút quyết định sắp đến, tất cả các chỉ huy và trai bơi trên thuyền đều hướng sang phía hai cụ già cầm cờ lệnh, mọi người cúi rạp xuống và khi lá cờ được chém mạnh xuống là lúc các thuyền bật lên lao đi. Tiếng chiêng trống đổ hồi, người trên bờ cũng nhào người ra hô hào để cổ vũ và nhắc nhở các thuyền đua.

Điều thú vị ở đây là các thuyền đua sắp hàng bằng nhau trên một quãng sông không rộng, thuyền lại to và dài chứ không xuất phát so le như ở hội đua thuyền ở một vài nơi khác, chẳng hạn như ở Đồng Xâm. . . Do vậy khi xuất phát, do sự bật lên khá mạnh của các tay bơi, vì vội vàng muốn bứt lên khỏi thuyền khác để lấy không gian và đôi khi không tránh khỏi lúng túng mà các thuyền đã tùm tùm vào nhau. Thậm chí lúc đầu chưa chình được tay bơi nên không tạt nước đều tay, người lái chưa định hướng vì tầm nhìn chật nên các thuyền có thể bị xiên ngang, quay cuồng ở một điểm. Vì thế qui định của cuộc đua cho phép các thuyền chen nhau để tìm lối thoát nhưng không được va chạm. Vai trò của người chống (lạng) lúc này là vô cùng quan trọng. Anh ta ngồi ở đầu mũi thuyền cầm lạng ngang ra mắt chăm chăm nhìn hai bên để đẩy và chèn bất cứ thuyền nào áp sát vào thuyền anh ta. Thuyền đối diện cũng trong tư thế như vậy, do đó đã tạo ra một cuộc tranh giành quyết liệt để bứt lên. Song người chống chỉ được phép chen đẩy vào mạn thuyền hoặc mũi thuyền của đối phương chứ không được phép làm bất cứ điều gì xấu ảnh hưởng đến thuyền bạn. Anh ta phải chèo chống sao cho thuyền của anh ta có được không gian mà bứt lên. Do đó, phút hồi hộp nhất chính là lúc này, vì chen chúc nhau nên có thuyền vội vàng nghiêng ngả làm lật úp, song các trai bơi vẫn không bỏ cuộc mà nháy lên dốc nước, chèo thuyền tiếp tục cuộc đua. Tiếng hô hào của chỉ huy, tiếng trống, tiếng phách cùng tiếng cổ vũ của hàng ngàn người đứng kín hai bờ đã làm cuộc đua mỗi lúc một náo nức. Người các thôn rầm rập chạy hai bên bờ sông cổ vũ cho thuyền thôn mình.

Việc đẩy, chen và chống các thuyền bên cạnh để bứt lên theo dân gian ở đây gọi là búng. Còn khi đến điểm mốc cuối ở đoạn sông trước cửa miếu Thánh, các thuyền bơi cũng phải vòng qua một cột cờ (vòng từ trái sang phải), cả người lái và người lạng (chống sào) phải lướt sao cho khéo đường "cua" tiết kiệm đường đua và thậm chí vượt lên thuyền phía trước mình. Cái đó người ra gọi là dóc và vót góc. Dóc và vót góc càng điều luyện thuyền đi càng nhẹ và nhanh, còn không khéo sẽ va vào cột mốc hoặc đường cua quá rộng mà mất thời gian. Ngay cả khi các thuyền đã răn ra nếu người lái và lạng không khéo léo, các trai bơi không đều thuyền vẫn bơi chậm và có trường hợp nước tràn vào thuyền làm đắm hoặc người bơi vội tạt nước lộn nhào xuống sông. Khi đó cả thuyền bám sâu nếu không nhanh xử lý tránh thuyền trước mà vượt lên thì cũng đắm nốt, như vậy sẽ cản trở tốc độ rất nhiều. Người ta tính điểm từng thuyền về đích trước sau mà xếp hạng cộng điểm cho cả đội. Sau một vòng đua các thuyền bơi được nghỉ ngơi khoảng mười lăm phút để hồi sức và rút kinh nghiệm. Người các thôn xô đến thuyền của mình mà nhận xét, nhắc nhở, góp ý cho các trai bơi. Để rồi lại háo hức chờ vòng đua mới.

Sau khi giải lao trống giục gọi các thuyền đua vào vị trí. Lần này người ta lại đổi vị trí đua của mỗi thuyền. Cứ như vậy trong sáu vòng đua của hai ngày mỗi thuyền được đứng ở một vị trí khác nhau từ bờ bên này sang bờ bên kia một cách công bằng.

Trong hai ngày đua thuyền, những lúc ngừng cuộc đua dưới sông trên mặt đất diễn ra những trò thả chim, thi cờ bỏi và nhất là chọi gà. Đây là một vùng có truyền thống nuôi gà chọi rất nổi tiếng, có những cặp gà được đưa đi đấu ở nhiều nơi. Đây cũng là một nơi có truyền thống vật với các đồ vật lừng danh như Hương Thìn, Bếp Quý, Ba Oe. . . ban đêm có đốt pháo bông, hát chèo.

Ngày 11-3 buổi sáng bơi tiếp hai vòng nữa và buổi chiều kết thúc trao giải. Thuyền được giải còn có vinh dự chờ ngai của Thánh về miếu Thượng. Bởi vì theo phong tục từ xưa Thánh đi bộ về thủy, do vậy hai thuyền giết giải được đưa Thánh về cung của Ngài vào buổi chiều ngày 11-3. Sau khi đua thuyền xong, dân làng tế lễ tạ ơn thánh rồi rước Thánh xuống thuyền về miếu của Ngài. Ngày hội kết thúc trong không khí vui mừng phấn khởi của toàn thể dân làng. Tối đó lại đốt pháo hoa mừng ngày hội, tiếng hát chèo lại vang lên tại sân đình. Lời ca, tiếng đàn, tiếng pháo quyện vào hương khói trong ánh sáng của muôn vàn ngọn đèn nến tạo nên một không khí khó quên đối với mỗi người dự hội, để năm sau du khách lại nhớ mà tìm đến.

Đua thuyền là một tục lệ phổ biến ở Việt Nam, nhưng mỗi nơi tùy theo hoàn cảnh địa lý và phong tục mà lại có những khía cạnh riêng của nó. Cái quyết liệt của đua thuyền làng Đám không phải ở độ dài của đường đua và đua liên tục nhiều vòng trong một lần như ở hội bơi chải Đồng Xâm. Không phải ở sự khó khăn, khốc liệt như bơi ngang dòng sông Hồng nước chảy mạnh như ở Sa Lãng (Liên Hà) gần đó hoặc sông nước chảy xiết, thuyền phải bơi ngang trong khi đã bị đục thủng sẵn từ trước, nếu không bơi nhanh sẽ đắm như ở Gia Lương Hà Bắc. Hay chỉ là bơi thuyền nghi lễ nhằm ôn lại cuộc luyện quân của nữ tướng thời hai Bà ở Hạ Cát Từ Liêm, v.v. . . Cái quyết liệt ở đây là bước xuất phát cuộc đua phải búng thuyền đẩy, chen thuyền bạn mà lấy chỗ cho thuyền mình); dúc thuyền (lướt, vượt góc để thuyền bứt lên mà không va chạm, gây cản trở lật thuyền, chậm thời gian); là lạng thuyền (chống, đẩy thuyền bạn cho không chạm vào ngăn cản thuyền mình), là vượt góc ở đoạn cuối cột mốc sao cho thuyền lướt nhanh không bị lúng túng tại đó, v.v. . .

Cái quyết liệt ấy biểu hiện ở sự mau lẹ, quyết đoán và tính toán điều khiển thuyền để đạt được tốc độ tối đa mà chỉ mất một sức lực tối thiểu. Điều đó đòi hỏi cả một kinh nghiệm dày dạn và sự từng trải lớn của một cư dân sông nước chuyên nghiệp .

Cũng dễ hiểu khi nhìn địa dư của Tây Tựu xưa vốn nằm trong một khu vực chằng chịt sông ngòi. Bản thân đầm Đám là một nhánh từ sông Hồng qua vùng Gối sang sông Nhuệ. Từ Gối tới Hát Môn, nơi có đoạn sông Hát nối với sông Hồng là một đoạn không xa. Cả một khu vực từ Hát Môn phùng, Gối, Diễn ngày nay vốn xưa có nhiều sông ngòi chằng chéo nhau. Bằng chứng là những đoạn sông cụt như đầm Đám, những con đê nay không còn giá trị ngăn nước sông nữa và các con sông tồn tại cho đến bây giờ. Sống trong một môi trường địa lý như vậy, nghề sông nước ắt phải được đề cao và phát triển.

Xét về mặt hình dáng của thuyền đua, với những con quy con đĩa ta cũng thấy chúng gắn với nước. Còn hai con hạc ở đây ẩn chứa những điều gì mà ta chưa biết được? Đó là điều đáng lưu ý.

Hai con hạc ấy với đức thánh Bạch Hạc Tam Giang và một truyền thuyết huyền ảo kèm theo tên gọi của ba thôn cùng với từ miền (miền Thượng, miền Trung, miền Hạ) có gì liên quan đến nhau không? Lại nữa, đường đi của đức Bạch Hạc Tam Giang đi bộ về thủy. Có gì chẳng giữa Trời- Đất- Nước, giữa Núi- Sông hay đó là sự xoay vần là cõi mệnh mông của vũ trụ trong quan niệm của người xưa?

Và như đã nói ở trên, lòng đình ở giữa thấp hẳn xuống so với hai bên theo kiểu lòng thuyền, nếu đó là nguyên trạng của thời xa xưa thì cũng có thể liên tưởng tới cái đình hình thuyền mà các nhà khảo cổ học đã nhắc tới.

Những dự cảm ban đầu, những nghi vấn chưa có đầy đủ chứng cứ để thuyết phục, song dù sao chúng tôi cũng cố gắng trình bày ra đây theo một trật tự nhất định để độc giả cùng xem xét, và lại cũng là để người viết suy ngẫm và tiếp tục hoàn thiện trong tương lai.